



MITRACO
Số /BC-CT
(Dự thảo)

Hà Tĩnh, ngày 10 tháng 04 năm 2019

BÁO CÁO

TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018 VÀ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

Phần thứ nhất:

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2018, tình hình ngành chăn nuôi có nhiều biến động về giá, thị trường, quy hoạch, đặc biệt dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm diễn biến phức tạp, đa dạng ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, người chăn nuôi.

Về thị trường: từ tháng 10/2016 đến hết quý I/2018, giá bán sản phẩm thấp, giảm sâu dưới giá thành sản xuất; bắt đầu phục hồi từ tháng 4/2018 và tăng nhanh, liên tục trong quý II, III/2018, bước sang quý IV giá quay đầu giảm và bình ổn 46.500 đ/kg. Bình quân năm 2018 giá tăng 54% so với năm 2017. Giá lợn tăng thì giá thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y cũng tăng theo.

Về dịch bệnh: Sau khủng hoảng giá lợn năm 2017, người chăn nuôi cắt giảm các chi phí vaccin phòng bệnh và hệ lụy dịch bệnh bùng phát, phức tạp trên đàn gia súc, gia cầm phạm vi cả nước (dịch tai xanh, tiêu chảy cấp, long móng lở mồm), đặc biệt bệnh dịch tả lợn Châu Phi đang bùng phát nhanh, mạnh gây thiệt hại và hậu quả nặng nề cho ngành chăn nuôi.

1. Về thuận lợi

Công ty nhận được sự quan tâm của lãnh đạo Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - Mitraco và Công ty TNHH Mua bán nợ VN - ĐATC, HĐQT Công ty; sự giúp đỡ của chính quyền địa phương tại đơn vị đóng quân.

Công ty có truyền thống đoàn kết; bộ máy đồng bộ, đội ngũ kỹ thuật được đào tạo bài bản, có kinh nghiệm; các sản phẩm của Công ty có uy tín, thương hiệu trên thị trường; bên cạnh những khách hàng truyền thống, đã mở rộng thêm thị phần trong tỉnh đối với lợn thương phẩm, đặc biệt mở rộng hợp tác với các đối tác để phát triển, tiêu thụ sản phẩm nái hậu bị, như: Tập đoàn Tân Long, Công ty Chăn nuôi Hải Đại, Công ty chăn nuôi Đức Việt tại các tỉnh: Bình Dương, Vũng Tàu, Ninh Bình, Hải Dương, Thanh Hóa, Nghệ An; mở thêm đại lý cung cấp giống tại phía Bắc và các trại nái có quy mô lớn trong tỉnh.

2. Khó khăn

- *Về tình hình tài chính:* Kết quả kinh doanh năm 2017, làm vốn lưu động không đủ quay vòng sản xuất, tăng quy mô đàn nái trở lại và không thay thế, bổ sung, cải tạo đàn giống cấp ông bà có năng suất hơn. Giá bán lợn thương phẩm tăng dẫn đến giá nguyên liệu đầu vào như: thức ăn gia súc, thuốc thú y, giá gia công, dịch vụ thuê ngoài tăng theo. Áp lực trả nợ khách hàng càng lớn, vì các khoản hạn mức dư nợ của các nhà cung cấp thức ăn và thuốc thú y đã đến hạn. Bên cạnh đó, ngân

hàng hạ hạn mức vay VLD từ 40 tỷ xuống 35 tỷ; trả nợ gốc và lãi vay trung hạn, lãi vay ngắn hạn; trả nợ Công ty CP Thức ăn chăn nuôi Thiên Lộc 10 tỷ đồng và các khoản thanh quyết toán cho chăn nuôi liên kết còn tồn đọng của năm trước.

- *Về tình hình dịch bệnh:* Năm 2018, dịch bệnh diễn biến phức tạp, đa dạng, đa chủng, ghép bệnh, động lực cao, bùng phát diện rộng trên phạm vi cả nước (dịch tai xanh, tiêu chảy cấp, long móng lở mồm), đặc biệt bệnh dịch tả lợn Châu Phi đang bùng phát nhanh, mạnh trên toàn quốc.

Do khủng hoảng năm 2017 kéo dài, người chăn nuôi không đủ tiềm lực kinh tế để duy trì sản xuất, phải cắt giảm, bỏ quy trình thuốc, vaccin và cũng không có điều kiện quan tâm công tác phòng, chống dịch bệnh; khi giá tăng, người chăn nuôi lại ồ ạt tăng đàn nhưng không đồng bộ với công tác phòng chống dịch dẫn đến áp lực dịch bệnh tăng cao; các doanh nghiệp FDI vào đầu tư chăn nuôi tại Hà Tĩnh, thuê lại các trang trại, đưa giống khắp nơi về thả nuôi; giá bán chênh lệch cao giữa các miền nên lợn được vận chuyển qua Hà Tĩnh rất lớn, mang theo nguy cơ lây lan dịch bệnh; các trại nhỏ bị bùng phát dịch đã bán tổng bán tháo để vớt vát chi phí, cho nên dịch bệnh diễn biến vô cùng phức tạp. Bên cạnh đó, trang trại sản xuất giống và thương phẩm của Công ty nằm khắp trên các địa bàn toàn tỉnh, hoạt động lâu năm môi trường tiềm ẩn, ủ bệnh ... áp lực dịch bệnh càng nặng nề, chi phí công tác phòng chống dịch tăng cao như: chi phí thuốc, vaccin phòng bệnh, tiêu tốn lượng vôi, thuốc khử trùng phòng dịch lớn, chi phí tăng bo, trung chuyển lợn ... Công ty phải cấm trại 100% phòng dịch làm tăng thêm chi phí ăn ở, sinh hoạt (60 triệu đồng/tháng).

Về thị trường sản phẩm:

+ **Lợn giống thương phẩm:** Do khủng hoảng 2017, các hộ chăn nuôi không còn đủ vốn, không giám đầu tư trở lại, nên sản phẩm của công ty sản xuất ra không bán được, trong 06 tháng đầu năm, mặc dù giá thấp và công ty đã đưa ra chính sách hỗ trợ kỹ thuật, hỗ trợ vận chuyển

+ **Lợn thương phẩm:** Tuy giá bán 9 tháng cuối năm tăng, nhưng công tác bán hàng cũng khó khăn; bên cạnh đó, do nguồn tài chính bị thiếu hụt buộc phải bán sớm dẫn đến trọng lượng xuất bán cả năm chỉ đạt bình quân 93 kg/con giảm 10 kg/con so với cùng kỳ năm 2017, làm giảm doanh thu hơn 22 tỷ đồng.

+ **Lợn giống hậu bị cấp bố mẹ:** Sau khủng hoảng, khách hàng truyền thống chưa giám tái đàn, nên trong quý I, II không bán được theo kế hoạch, phải chuyển sang bán thịt, với giá rẻ hơn giá lợn thương phẩm; bên cạnh đó, phải cạnh tranh khốc liệt với các doanh nghiệp chăn nuôi mới đi vào hoạt động.

- *Về nội tại Công ty:*

+ Đàn lợn nái ông bà, đực giống cấp ông bà và bố mẹ già hóa nhưng do khó khăn của năm 2017 nên không được bổ sung kịp thời, ảnh hưởng các chỉ tiêu sinh sản, chất lượng sản phẩm.

+ Nhà xưởng, chuồng trại qua thời gian hoạt động quá lâu năm xuống cấp trầm trọng, TT Kỳ Phong đi vào hoạt động 2015, nhưng đã xuống cấp, chuồng hư hỏng nhiều, nhưng khó khăn về tài chính nên chưa sửa chữa, thay thế kịp thời.

+ Môi trường sản xuất chăn nuôi lâu năm nên tích tụ, ủ mầm bệnh, nguy cơ bùng phát tăng cao; hệ thống xử lý môi trường tại Kỳ Phong đầu tư chưa đồng bộ

nên các yếu tố tiềm tàng ô nhiễm môi trường chưa kiểm soát hết nên ảnh hưởng lớn hoạt động sản xuất.

+ Lao động chất lượng và năng suất chưa cao: Do tình hình dịch bệnh phải cấm trại phòng dịch dài ngày nên ảnh hưởng lớn đến đời sống, tư tưởng người lao động, bên cạnh đó, cạch tranh khốc liệt trên thị trường lao động với các doanh nghiệp mới vào đầu tư chăn nuôi tại Hà Tĩnh và trào lưu xuất khẩu lao động.

+ Liên kết: Khủng hoảng 2017, Công ty chủ trương giảm quy mô đàn tại các vệ tinh nái xuống ở mức 70->80%, cắt giảm chi phí gia công đã ảnh hưởng đến kết quả sản xuất 2018; các trại vệ thương phẩm chủ yếu là chuồng hở, nằm rải rác khắp các huyện nên chỉ tiêu kỹ thuật đạt thấp, khó khăn trong quản lý, đặc biệt công nghệ chuồng hở không còn phù hợp với môi trường chăn nuôi và tình hình dịch bệnh hiện nay dẫn đến hiệu quả thấp.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ NĂM 2018

Năm 2018, Ban điều hành tổ chức thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2018 trong điều kiện khan hiếm nguồn lực và khó khăn nói trên, nhưng với sự nỗ lực của tập thể CBCNV người lao động đã từng bước khắc phục khó khăn, ổn định SXKD và đạt được những kết quả bước đầu:

1. Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh

Stt	Nội dung, chỉ tiêu	Đvt	Số liệu		Tỷ lệ hoàn thành	So với năm trước
			Kế hoạch	Thực hiện		
I	CHỈ TIÊU KINH DOANH					
1	Tổng doanh thu và TN khác	Tr.đồng	236.000	252.976	107%	107%
2	Tổng chi phí		231.000	246.527	107%	88%
	<i>Giá vốn hàng bán</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>215.500</i>	<i>231.149</i>	107%	87%
	<i>Chi phí tài chính</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>7.250</i>	<i>7.606</i>	105%	134%
	<i>Chi phí bán hàng</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>2.268</i>	<i>2.099</i>	93%	95%
	<i>Chi phí quản lý DN</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>5.982</i>	<i>4.982</i>	83%	94%
	<i>Chi phí khác</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>0</i>	<i>691</i>		
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr.đồng	5.000	4.792	96%	-10%
4	Nộp NSNN	Tr.đồng	50	55	110%	
II	CHỈ TIÊU KỸ THUẬT					
1	Tỷ lệ tử phối đến đẻ của nái	%	90,00	90,80	101%	101%
2	Số con cai sữa/nái	Con	10,00	9,48	95%	97%
3	Tỷ lệ loại thải lợn 63 ngày	%	3,50	7,53	215%	119%
4	Tỷ lệ loại thải lợn thương phẩm	%	5,00	7,82	156%	76%
III	CHỈ TIÊU SẢN LƯỢNG					
1	Lợn con cai sữa 21 ngày tuổi	Con	84.877	76.779	90%	85%
2	Lợn sau cai sữa 63 ngày tuổi	Con	79.406	71.337	90%	87%
3	Lợn thương phẩm	Con	56.804	52.123	92%	82%
4	Lợn hậu bị	Con	5.879	4.497	76%	85%
	<i>Lợn bổ sung đàn</i>	<i>Con</i>	<i>1.040</i>	<i>1.219</i>	117%	59%
	<i>Xuất bán giống</i>	<i>Con</i>	<i>4.839</i>	<i>3.278</i>	68%	102%

2. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

Tt	Chỉ tiêu	Đvt	Cuối năm	Đầu năm	Tăng (giảm)
A	TỔNG TÀI SẢN		140.350.206	152.512.414	92%
I	Tài sản ngắn hạn	Ng.đồng	77.140.201	66.607.738	116%
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	Ng.đồng	409.241	3.024.310	14%
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	Ng.đồng	-	3.100.000	0%
3	Phải thu ngắn hạn	Ng.đồng	4.045.233	7.597.365	53%
4	Hàng tồn kho	Ng.đồng	72.674.994	52.850.029	138%
5	Tài sản ngắn hạn khác	Ng.đồng	10.734	36.034	30%
I	Tài sản dài hạn	Ng.đồng	63.210.005	85.904.676	74%
1	Các khoản phải thu dài hạn	Ng.đồng	279.715	1.179.803	24%
2	Tài sản cố định	Ng.đồng	42.525.368	51.632.762	82%
3	Tài sản dài hạn khác	Ng.đồng	20.404.922	33.092.111	62%
B	TỔNG NGUỒN VỐN	Ng.đồng	140.350.206	152.512.414	92%
I	Nợ phải trả	Ng.đồng	129.458.512	146.412.453	88%
1	Nợ ngắn hạn	Ng.đồng	110.434.299	121.018.239	91%
2	Nợ dài hạn	Ng.đồng	19.024.214	25.394.214	75%
II	Vốn chủ sở hữu	Ng.đồng	10.891.694	6.099.961	179%
1	Vốn góp của chủ sở hữu	Ng.đồng	40.000.000	40.000.000	100%
2	Thặng dư vốn cổ phần	Ng.đồng	978.000	978.000	100%
3	Quỹ đầu tư phát triển	Ng.đồng	9.048.823	9.048.823	100%
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Ng.đồng	(39.135.129)	(43.926.862)	89%
C	MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN				
1	Bố trí cơ cấu tài sản (%)				
-	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	45,04	56,33	80%
-	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	54,96	43,67	126%
2	Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)				
-	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	92,24	96,00	96%
-	Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	7,76	4,00	194%
3	Khả năng thanh toán				
-	Khả năng thanh toán tổng quát	Lần	1,08	1,04	104%
-	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	0,70	0,55	127%
-	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	-	0,02	
4	Tỷ suất sinh lời trên doanh thu thuần				
-	Tỷ suất LN trước thuế/doanh thu thuần	%	1,91	(19,64)	
-	Tỷ suất LN sau thuế/doanh thu thuần	%	1,91	(19,64)	
5	Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản				
-	Tỷ suất LN trước thuế/tổng tài sản	%	3,41	(30,11)	
-	Tỷ suất LN sau thuế/tổng tài sản	%	3,41	(30,11)	
6	Tỷ suất lợi nhuận/Doanh thu	%	1,89	(19,47)	
7	Tỷ suất lợi nhuận/Vốn điều lệ	%	11,98	(114,81)	

3. Phân tích hoạt động SXKD năm 2018 so với kế hoạch và năm 2017

- Doanh thu bán hàng và thu nhập khác đạt 107% so với kế hoạch, do giá bán lợn thương phẩm bình quân năm là 44.500 đ/kg tăng 27% so với kế hoạch và tăng 54% năm 2017. Mặc dù các chỉ tiêu sản lượng đạt 90% so với kế hoạch, có phân tích tại chỉ tiêu kỹ thuật mục sau.

- Giá vốn hàng bán cao, chiếm 98% trên doanh thu. Nguyên nhân khi giá bán tăng cao thì giá nguyên liệu đầu vào như thức ăn gia súc tăng trong năm bình quân 9%, giá thuốc thú y bình quân cũng tăng 5%, giá gia công bình quân 5%. Cộng thêm các chỉ tiêu kỹ thuật đạt thấp làm tăng cao giá thành sản xuất.

- Chi phí tài chính tăng 05% so với kế hoạch và tăng 34% so với năm 2017, do các khoản nợ phải trả của khách hàng năm 2017 đã đến hạn nhưng chưa thể thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu lãi bằng lãi vay ngân hàng.

- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp bình quân giảm 12% so với kế hoạch và giảm 6% so với năm 2017. Trước khó khăn, BDH đã sắp xếp lại bộ máy quản lý, cắt giảm chi phí giao dịch và phát động phong trào tiết kiệm.

* Mặc dù giá bán sản phẩm tăng 27% trên kế hoạch và tăng 54% so 2017, nhưng doanh thu bán hàng chỉ tăng 7%. Kết quả trên cho thấy năm 2018 hoạt động SXKD hết sức khó khăn, do thua lỗ nặng nề của năm 2017 đã làm ảnh hưởng trực tiếp về kinh tế của công ty: Tiền vốn không đủ để quay vòng sản xuất đã ảnh hưởng rất lớn đến chỉ tiêu kỹ thuật giảm, chỉ đạt bình quân 90%, chi phí phòng chống và dập dịch, chi phí tài chính tăng 5% nên giá vốn tăng cao.

4. Các nguyên nhân:

** Về chỉ tiêu kỹ thuật:*

- Chỉ tiêu số con cai sữa chỉ đạt 95% so với kế hoạch, bởi hậu quả để lại bệnh tiêu chảy cấp trên lợn con vào tháng 12/2017 tại TT Kỳ Phong (Quy mô 1.000 nái), đầu năm tại trại nái gia công, tổng 1.350 nái. Cộng thêm thiệt hại lớn về bệnh rối loạn sinh sản và hô hấp (PRRS) tại TT Thạch Vĩnh (quy mô 1.200 nái) trong quý II/2018. Đã làm số con sinh ra còn sống nhiều nhưng chỉ để nuôi ít. Ảnh hưởng của dịch bệnh làm chết, loại thải ở lợn con theo mẹ 21 ngày tuổi với số lượng 3.329 con; riêng PRRS đã thiệt hại 3.098 con và làm số nái bị sảy thai, số con sinh ra để nuôi nái đạt 9,76 con/ 10,6 con/nái theo kế hoạch.

- Tỷ lệ loại thải lợn giống 63 ngày 215% do dịch bệnh nói trên, số con chuyển nuôi cai sữa trọng lượng nhỏ, thể trạng sức đề kháng yếu hơn, dẫn đến chỉ tiêu loại thải tăng cao, vượt định mức 3.310 con. Trong đó, tại TT Thạch Vĩnh tỷ lệ chết và loại thải 341% tương đương vượt 2.226 con theo định mức.

- Cũng từ nguyên nhân đó làm tỷ lệ loại thải lợn thương phẩm 156%, dẫn đến tiêu tốn thức ăn cũng tăng 03% (FCR 2,78/2,69 kg/TA), cộng thêm do chất lượng lợn thương phẩm 2 máu tại Kỳ Phong có sức đề kháng yếu hơn loại lợn 3 máu, từ chăn nuôi chuồng kín chuyển ra nuôi chuồng hở môi trường thay đổi hoàn toàn đã làm ảnh hưởng rất lớn đến chỉ tiêu này.

** Về chỉ tiêu sản lượng:*

- Từ các chỉ tiêu kỹ thuật trên không đạt kế hoạch, dẫn đến các chỉ tiêu sản lượng cũng giảm và không hoàn thành kế hoạch theo cụ thể như: Lợn con cai sữa 21 ngày tuổi đạt 90%; lợn giống thương phẩm 63 chỉ đạt 90%; lợn thương phẩm đạt 92% và lợn giống hậu bị đạt 76%.

- Nguyên nhân: trong năm công ty vì vốn lưu động không đủ để sản xuất, để duy trì đã phải thanh lý hợp đồng 1 trại nái quy mô 900 nái tại xã Ân Phú, Vũ Quang; do bệnh rối loạn sinh sản và hô hấp tại Thạch Vĩnh nên lợn nái loại thải cao hơn quy trình, mà chưa ổn định nên không nhập bổ sung đàn nái từ quy mô 1.250 nái hiện tại chỉ còn dưới 900 nái. Đồng nghĩa giảm quy mô đàn nái từ 4.400 con xuống còn 3.500 con.

- Lợn giống hậu bị đạt 76%, do ảnh hưởng của năm 2017 các nhà chăn nuôi không dám nhập giống để bổ sung tái đàn, dẫn đến trong 5 tháng đầu năm phải chuyển sang bán thành lợn thương phẩm nhiều.

* Về chỉ tiêu kinh tế:

- Doanh thu: Mặc dù chỉ tiêu sản lượng đạt thấp hơn kế hoạch năm, nhưng doanh thu vẫn hoàn thành vượt mức kế hoạch, đạt 107%, do thị trường giá bán lợn thương phẩm thực tế trong năm 2018 bình quân đạt 44.500 đ/kg, dẫn đến giá bán các sản phẩm lợn giống thương phẩm, lợn giống Hậu bị cũng tăng theo.

+ Nguyên nhân chính làm cho sản lượng và lợi nhuận đạt thấp:

Do ảnh hưởng thua lỗ nặng nề của năm 2017 và quý I/2018, làm cho vốn lưu động không đủ sản xuất, phải chủ động giảm tiếp quy mô đàn nái; chất lượng đàn giống già năng suất kém; bán lợn giống thương phẩm hai máu tại TT Kỳ Phong vì chưa tìm ra giải pháp và chuồng trại phù hợp để chăn nuôi có hiệu quả; nhà xưởng chuồng trại xuống cấp không được khắc phục sửa chữa kịp thời, môi trường chăn nuôi lâu năm ô nhiễm thêm ủ bệnh nên tăng thêm chi phí thuốc thú y cho phòng và điều trị, do hạn mức dư nợ khách hàng không tăng thêm được nên vật tư như: thức ăn, thuốc thú y, vật tư khác .. không cung cấp kịp thời theo quy trình sản xuất, quy trình thuốc phòng và thuốc thường xuyên cắt giảm, lựa chọn dòng thuốc, thức ăn rẻ hơn, cộng thêm lực lượng lao động cho sản xuất vừa thiếu vừa ít kinh nghiệm. Nên cũng ảnh hưởng đến chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật như tiêu tốn FCR; tỷ lệ loại thải lợn các loại ... làm giá thành tăng cao.

+ Bị thiệt hại nặng nề do dịch bệnh tiêu chảy cấp và bệnh rối loạn sinh sản-hô hấp: đặc biệt tại Thạch Vĩnh phải loại thải 300 con nái sinh sản; loại thải lợn con 21 ngày tuổi 3.098 con; lợn 63 ngày tuổi 2.226 con và lợn thương phẩm 195 con. Chỉ tiêu số con để nuôi sau 24 giờ phải lấy giảm từ 10,6 xuống còn bình quân 9,8 con (giảm 1.152 con). Chi phí thuốc thú y cho công tác chống dịch tăng cao. Chất lượng lợn giống ra nuôi thương phẩm kém phải loại thải nhiều, chi phí nhân công tăng cao. Thiệt hại hơn 13 tỷ đồng do bệnh rối loạn sinh sản-hô hấp tại Thạch Vĩnh.

5. Công tác quản trị, điều hành và các giải pháp đã thực hiện:

Trước tình hình khó khăn của Công ty, Ban điều hành đã đoàn kết, tập trung và phát huy sức mạnh tập thể để đánh giá, dự báo tình hình, đưa ra các giải pháp

trên từng lĩnh vực và tập trung công tác chỉ đạo, quản trị, điều hành và tổ chức sản xuất kinh doanh:

** Về tổ chức nhân sự và lao động:*

- Quan tâm triển khai công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật, công tác tư tưởng cho người lao động trong điều kiện ngành chăn nuôi nói chung, công ty nói riêng trong giai đoạn khó khăn, mọi hoạt động bị đảo lộn bởi khủng hoảng, khan hiếm nguồn lực để người lao động hiểu, chia sẻ, yên tâm công tác, ổn định tình hình và tập trung SXKD.

- Phân công lại nhiệm vụ Ban điều hành phụ trách các lĩnh vực, gắn trách nhiệm cá nhân cho từng người.

- Sắp xếp lại lao động, luân chuyển cán bộ phụ trách trại nái, thương phẩm, tăng cường nhân sự công tác thị trường, bán hàng; giao nhiệm vụ cho cán bộ trẻ được đào tạo bài bản, có phẩm chất, trách nhiệm; tuyển dụng lao động thay thế.

** Về quản trị điều hành:*

- Hàng tháng, quý xây dựng kế hoạch trọng tâm, đưa ra các giải pháp và giao nhiệm vụ cụ thể từng cá nhân đơn vị; linh hoạt, kịp thời có những quyết sách phù hợp với diễn biến của thị trường cho từng loại sản phẩm.

- Tăng cường công tác quản lý kinh tế, định mức, tiết kiệm chi phí; siết chặt kỷ luật, kỷ cương: bổ sung, hoàn thiện các quy chế, quy định nội bộ; thanh lý hợp đồng cũ, ký kết lại hợp đồng với các trại gia công ràng buộc các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật (kết quả 6 tháng cuối năm đã thấy rõ các chỉ tiêu kỹ thuật tăng như số con cai sữa/nái, giảm tỷ lệ loại thải lợn 63 ngày, lợn thương phẩm và tiêu tốn thức ăn ...); đã đưa ra giải pháp quản lý, kỹ thuật, quản lý vệ tinh trong công tác sổ sách và báo cáo phù hợp, hợp lý để thực hiện, dễ kiểm soát và hiệu quả cao; thành lập đoàn đi kiểm tra, kiểm kê đột xuất 02 lần/tháng.

- Tăng cường công tác quản lý định mức kinh tế - kỹ thuật nhằm tiết kiệm chi phí sản xuất nâng cao hiệu kinh doanh, cụ thể hàng quý đánh giá lại nhà cung cấp lựa chọn dòng thuốc tốt có mức giá hợp lý, sau đó đàm phán để được tăng chiết khấu sản lượng và tăng hạn mức dư nợ.

- Công khai, minh bạch thông tin về tình hình chung, kết quả sản xuất kinh doanh, tình hình thị trường, giá bán các loại sản phẩm, thu nhập người lao động trong giao ban, hội nghị, lễ chào cờ đầu tháng cho CBCNV, người lao động biết.

** Về quản lý kỹ thuật:*

Năm 2018, Hội đồng kỹ thuật và đội ngũ kỹ thuật đã tập trung công sức, trí tuệ đưa ra các giải pháp khắc phục về lĩnh vực kỹ thuật do ảnh hưởng từ khủng hoảng 2017 nhằm tăng các chỉ tiêu kỹ thuật; phòng, chống dịch và dập dịch.

Trong năm rà soát, sửa đổi, xây dựng lại, bổ sung, trả về đúng quy trình kỹ thuật, quy trình chăn nuôi đã cắt bỏ năm 2017 từ định mức thức ăn, dinh dưỡng, thuốc, vaixin để tăng sức khỏe đàn, đồng thời cắt giảm những chi phí hiện tại chưa cần thiết, điều chỉnh định mức tiêu tốn thức ăn khoán cho lợn thương phẩm giảm bình quân 0,05 kg TA/kg tăng trọng, tương đương giá thành giảm gần 50.000 đ/con lợn thương phẩm.

Phát động phong trào sáng kiến, sáng tạo cải tiến kỹ thuật: bên cạnh, mời các chuyên gia tập huấn, cập nhật kiến thức và nghiệp vụ thăm khám, chẩn đoán và xây dựng phác đồ điều trị; kỹ thuật chăn nuôi cho đội ngũ kỹ thuật. Đội ngũ kỹ thuật đã đưa ra nhiều giải pháp hợp lý hóa sản xuất, tiết kiệm chi phí, như: tăng số con đẻ nuôi; xử lý nhanh và hạn chế tỷ lệ chết tại lợn con do bệnh tiêu chảy cấp, không chế được bệnh suy giảm hô hấp; các giải pháp trong quản lý phòng dịch; tổ chức làm thử nghiệm quy trình, thử nghiệm thuốc, thử nghiệm những sản phẩm dinh dưỡng nhằm nâng cao đề kháng cho vật nuôi tiến tới hạn chế kháng sinh trong chăn nuôi.

* **Quản lý kinh tế:**

- **Quản lý thuốc thú y:** Công ty thành lập hội đồng đánh giá lại nhà cung cấp thuốc, khách quan, công khai để lựa chọn nhà cung cấp thuốc có chất lượng, giá cả phù hợp; kiểm soát chặt chẽ việc nhập, xuất, quản lý và quy trình sử dụng.

Thay đổi định mức thuốc, thực hiện khoán cho các đơn vị, các vệ tinh; kết hợp việc kiểm kê nên chi phí thuốc càng ngày càng giảm, hạ giá thành sản phẩm.

- **Quản lý thức ăn:** đã xây dựng lại khẩu phần thức ăn cho các đơn vị theo từng công đoạn, thay đổi theo mùa phù hợp với điều kiện kinh tế hiện tại; quy định báo cáo ngày; tiến hành kiểm kê định kỳ và đột xuất cân đối số liệu theo từng tháng, cân đối thừa thiếu và khấu trừ vào chi phí của các tổ và hộ chăn nuôi vệ tinh. Lựa chọn nhà cung cấp thức ăn có chất lượng nhưng giá thấp hơn góp phần lớn giảm giá thành sản phẩm (thức ăn chiếm 70-75% giá thành sản phẩm).

- Triển khai các giải pháp về vốn: tích cực đàm phán với các nhà cung cấp tăng hạn mức dư nợ, trả chậm, gia hạn thời gian trả nợ; hỗ trợ chi phí lãi vay; giảm giá bán...; đẩy nhanh tốc độ bán hàng các loại sản phẩm để vòng vốn được quay nhanh; giảm sản lượng lợn 2 máu đưa ra nuôi thương phẩm.

Tập trung triển khai giải pháp tiết kiệm: giảm định mức tiêu tốn thức ăn tại lợn thương phẩm bình quân 50.000 đ/con; tự sửa chữa thiết bị chuồng trại, hạn chế đầu tư mua sắm mới (Sửa chữa mái tôn 02 nhà lợn đẻ, 01 nhà mang thai và 02 nhà cai sữa tại Thạch Vĩnh và hệ thống chân chuồng đẻ 1 Kỳ Phong); thi công hệ thống nhà máy ép phân (tiết kiệm gần 100 triệu đồng); vận dụng chính sách để được Nhà nước hỗ trợ thuốc khử trùng và vaccine phòng bệnh).

- **Về thị trường:**

+ **Sản phẩm lợn hậu bị:** nhận định tình hình ngành chăn nuôi, khi các trang trại và người chăn nuôi trong tỉnh chưa mạnh dạn vào đàn và tái đàn, BDH đã tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp lớn mới bước sang lĩnh vực chăn nuôi để tiêu thụ sản phẩm tại các tỉnh Bình Dương, Vũng Tàu, Nam Định, Ninh Bình, Hải Dương; Quảng Bình; Quảng Trị .v.v các chính sách sau bán hàng như: tư vấn kỹ thuật, quản lý kinh tế, hỗ trợ vận chuyển ... với định hướng cung cấp ổn định lâu dài cho các năm tiếp theo.

+ Lợn thương phẩm: duy trì khách hàng truyền thống; mở rộng thị trường nội tỉnh thêm 2 khách hàng lớn, sản lượng bình quân từ 1.500 -2.000 con/tháng, nên sản phẩm lợn giống hậu bị, lợn thương phẩm hằng tháng không bị ách tắc, tồn đọng và giá bán cao hơn giá thị trường từ 1.000 -2.000 đ/kg. Bằng cách chính sách chiết khấu sản lượng tháng, quý ...

6. Phong trào thi đua yêu nước

Năm 2018, hưởng ứng hai phong trào do Tổng công ty phát động, Công ty đã tổ chức bài bản, sáng tạo và quyết liệt chỉ đạo, được người lao động đồng tình cao và hưởng ứng thực hiện cho nên đạt kết quả khá, đạt giải Nhì toàn TCT.

• Phong trào 90 ngày đêm: giải nhất: Trung tâm Kỳ Phong; giải nhì: Văn phòng công ty; giải ba: Phòng Quản lý vệ tinh

• Phong trào 60 ngày: Giải nhất: Trung tâm Thạch Vĩnh; giải nhì: Văn phòng công ty; giải ba: Phòng quản lý vệ tinh (Có biểu kết quả kèm theo)

Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ
I. CHIẾN DỊCH 90 NGÀY				
1. Doanh thu	Ng.đồng	62.000.000	69.426.730	112%
2. Lợi nhuận	Ng.đồng	3.500.000	4.388.721	125%
3. Lợn con cai sữa 21 ngày	Con	20.200	19.169	95%
4. Lợn giống 63 ngày	Con	19.100	19.352	101%
5. Lợn thương phẩm và hậu bị	Con	13.000	12.958	100%
II. CHIẾN DỊCH 60 NGÀY				
1. Doanh thu	Ng.đồng	45.000.000	48.418.000	108%
2. Lợi nhuận	Ng.đồng	2.500.000	2.557.000	102%
3. Lợn con cai sữa 21 ngày	Con	14.385	14.007	97%
4. Lợn giống 63 ngày	Con	12.715	13.271	104%
5. Lợn thương phẩm và hậu bị	Con	10.000	10.053	101%
6. Số con cai sữa/nái	Con	10,2	10,3	101%

7. Công tác đảm bảo QP-AN; chăm lo đời sống người lao động

- Triển khai quán triệt thực hiện quy định pháp luật về ANTT-ATXH, an toàn giao thông và an toàn lao động; thực hiện đơn vị “3 không về tệ nạn xã hội”, đơn vị an toàn làm chủ đến tận người lao động. Vì vậy, năm 2018 không để sự việc đáng tiếc xảy ra trong toàn công ty.

- Tổ chức các hoạt động vui chơi, giải trí, nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động: bóng chuyền, bóng hơi, cầu lông tại các trung tâm; đầu tư loa máy phục vụ phong trào VHVH;

- Tổ chức cho 108 lao động có việc làm ổn định, thu nhập bình quân trên 6.800.000đ/người/tháng; hỗ trợ đảm bảo duy trì chế độ ăn sáng, ăn trưa, tối cho CBCNV và ăn ca đêm, tăng tiền mỗi bữa ăn từ 14.000 đ lên 18.000 đ/bữa, chế độ độc hại, quà các ngày lễ tết đầy đủ, thăm hỏi hiếu hỷ, hỗ trợ CBCNV gặp hoàn

cảnh khó khăn kịp thời; tổ chức cho toàn thể CBCNV được du lịch, nghỉ dưỡng; đóng đủ các loại bảo hiểm và giải quyết đầy đủ các chế độ chính sách, quyền và lợi ích hợp pháp cho người lao động.

III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ:

1. Công tác quản trị điều hành còn lúng túng trong đánh giá dự báo tình hình thị trường; trong công tác vốn phục vụ sản xuất dẫn đến thiếu hụt, không có nguồn vốn để đầu tư công tác giống, phòng chống dịch bệnh, sửa chữa chuồng trại, thiết bị hoặc vật tư sản xuất cung cấp chưa kịp thời để chớp lấy cơ hội thị trường khi nhận định giá lợn tăng cao.

2. Công tác quản trị, điều hành còn thiếu quyết liệt, chưa thường xuyên kiểm tra, kiểm soát, giám sát; việc xử lý các tồn tại chậm; công tác kiểm soát sự không phù hợp chưa thường xuyên nhất là kiểm soát qui trình sản xuất, khắc phục sự không phù hợp vẫn chậm và hiệu quả chưa cao. Công tác kiểm tra kiểm soát việc thực hiện các Văn bản, quy định, kết luận giao ban của BGD chưa quyết liệt nên kết quả mang lại chưa thực sự như mong muốn.

3. Công tác kỹ thuật chưa thực sự phát huy nguồn lực con người, trí tuệ, kinh nghiệm, đặc biệt trong kiểm hoạt hệ thống quy trình thuốc, vacxin; nhất là để xảy ra dịch bệnh tiêu chảy cấp, rối loạn sinh sản-hô hấp. Đây là tồn tại lớn nhất, gây thiệt hại về kinh tế và thương hiệu.

4. Việc tuyên truyền, quán triệt và kiểm soát, xử lý việc thực hiện Nội quy lao động, quy định, quy trình sản xuất, quản lý chưa tốt; chế độ thông tin chưa kịp thời đến người lao động và ngược lại.

5. Công tác cán bộ, nhân lực chậm đổi mới; quản lý lao động chưa chặt chẽ, hợp lý; công tác tuyển chọn lao động chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất. Chưa có cơ chế, chính sách để thu hút lao động, đào tạo lao động cũng như giữ chân lao động có tay nghề vững, có kinh nghiệm và kỹ năng.

6. Công tác tham mưu chưa thật sự đặc lực và kịp thời, giải quyết các đề xuất, đề nghị của sản xuất còn chậm đôi khi còn ách tắc, năng lực quản lý quản trị kinh tế - Kỹ thuật - Lao động chưa theo kịp với yêu cầu hiện tại.

7. Sự phối hợp giữa các Phòng và các Trung tâm, các bộ phận sản xuất chưa thật nhịp nhàng, một số công việc như: Xây dựng, lập kế hoạch, cung cấp vật tư cho sản xuất; điều hành sản xuất, xuất bán hàng ..., xuất nhận lợn đi nuôi vệ tinh.

8. Trách nhiệm quyền hạn một số chức danh chưa phát huy được, một số CBNCV làm việc còn thiếu tinh thần trách nhiệm, không năng động, thiếu tự giác chưa làm việc hết trách nhiệm và quyền hạn của mình.

9. Công tác xử lý chưa triệt để, nên môi trường vẫn còn ảnh hưởng đến sản xuất và xảy ra dịch bệnh và phản ảnh của cộng đồng dân cư.

Phần thứ II:

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP NĂM 2019

I. TÌNH HÌNH

- Thị trường cơ hội không còn nữa khi các doanh nghiệp FDI, doanh nghiệp chăn nuôi trong nước có tiềm lực đầu tư phát triển mạnh, với quy mô lớn, tập trung kép kín, giống cao sản, công nghệ thiết bị hiện đại... đây là những thách thức, trở ngại rất lớn cho công ty. Để cạnh tranh trên thị trường buộc Công ty phải giảm giá thành sản xuất, nâng cao chất lượng, tham gia sản xuất theo chuỗi.

- Tình hình dịch bệnh hiện nay và thời gian tới tiếp tục diễn biến phức tạp, đa chủng, ghép bệnh, động lực cao, uy hiếp ngành chăn nuôi, như: Tai xanh; LMLM; Tiêu chảy cấp; Rota Virut ... đây là áp lực lớn đối với chăn nuôi lợn có quy mô lớn tập trung, các trang trại chăn nuôi trải dài trên toàn tỉnh, công nghệ chăn nuôi lợn thương phẩm chủ yếu là nuôi chuồng hở. Đặc biệt, bệnh dịch tả Châu phi là bệnh truyền nhiễm do virut có thể gây chết 100% đối với các loại lợn nếu bị xâm nhiễm nhưng chưa có vaccin, chưa có phương pháp điều trị hiệu quả và không có kháng thể trung hòa đặc hiệu, bệnh gây hậu quả, thiệt hại nặng nề về kinh tế, đã bùng phát tại Việt Nam, với tốc độ lây lan nhanh, mạnh chưa đầy 2 tháng đã có trên 20 tỉnh thành bùng phát dịch. Do ảnh hưởng bởi bệnh dịch tả lợn Châu Phi, trong thời gian ngắn (1 tháng) giá bán lợn thương phẩm xuống nhanh mức kỷ lục từ 49.000 đ/kg xuống còn 34.000 đ/kg và đang diễn biến khó lường; ảnh hưởng trực tiếp đến việc không bổ sung đàn nái đủ quy mô tại các đơn vị.

- Trong quý I/2019, do áp lực phòng chống bệnh dịch tả lợn Châu Phi, nên chi phí đã thực hiện tăng đột biến: Chi phí hóa chất khử trùng với số tiền 1,01 tỷ đ/ 0,2 tỷ đ so với cùng kỳ năm trước tăng 500%; vôi khử trùng gần 20 triệu/tháng; chi phí thuê xe tăng bo sản phẩm bình quân tăn 40 triệu đồng/tháng; chi phí đầu tư thiết bị khử trùng tất cả các trang trại và các điểm phòng dịch gần 200 triệu đồng; chi phí nhân công tại các điểm chốt tăng 03 người tương đương gần 20 triệu đồng/tháng và chi phí thuê địa điểm làm kho và các điểm phun khử trùng phương tiện gần 15 triệu đồng/tháng. Tổng chi phí cho công tác phòng dịch quý I/2019 đã tăng thêm theo kế hoạch là 1.285 triệu đồng.

- Tiền vốn lưu động không đủ để sản xuất khi mà ngân hàng lại tiếp tục giảm hạn mức vay vốn lưu động trong quý I/2019; bên cạnh đó, chi phí phòng dịch tăng cao, kéo dài; áp lực về lao động, môi trường, chuồng trại xuống cấp.v.v.

- Do tình hình dịch bệnh cần giảm quy mô sản xuất tại Trung tâm Thạch Vĩnh từ quy mô 1.300 nái xuống còn 800 nái sinh sản, do chuồng trại đã chăn nuôi 15 năm nên môi trường ủ bệnh, áp lực dịch bệnh ảnh hưởng đến năng xuất. Nên sản lượng heo thương phẩm cũng như Doanh thu 2019 sẽ giảm so với năm 2018.

Chính vì vậy, đòi hỏi Ban điều hành phải đoàn kết, tập trung cao và cùng toàn thể CBCNV, người lao động xác định rõ SXKD trong điều kiện hết sức khó khăn, cạnh tranh khốc liệt, nguồn lực khan hiếm và dịch bệnh uy hiếp để đổi mới toàn diện cả về nhận thức, tư duy, hành động; đoàn kết, tập trung trí tuệ đưa ra giải pháp đồng bộ năng suất, chất lượng lao động, hiệu lực, hiệu quả công tác quản trị, điều hành để ổn định sản xuất, vượt qua khó khăn.

Mục tiêu tổng quát năm 2019 là “*Đổi mới toàn diện, hiệu quả công tác quản trị, điều hành; Tăng cường, kiểm soát chặt chẽ công tác phòng chống dịch bệnh, tiết kiệm chi phí sản xuất, tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm; mở rộng thị trường, tăng cường mời gọi đối tác hợp tác SXKD, duy trì hoạt động SXKD, đảm bảo lợi ích các bên*”.

II. MỘT SỐ CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2019

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2019	Ghi chú
I	Chỉ tiêu kinh doanh			
1	Tổng doanh thu và TN khác	Đồng	275.000.000.000	
2	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	6.500.000.000	
II	Chỉ tiêu sản xuất			
1	Quy mô đàn nái sinh sản	Con	3.800	
2	Lợn con cai sữa 21 ngày tuổi	Con	83.024	
3	Lợn sau cai sữa 63 ngày tuổi	Con	78.261	
4	Lợn giống hậu bị cấp bố mẹ		4.004	
5	Lợn thương phẩm		59.066	
III	Kế hoạch đầu tư và sửa chữa		10.025.550.000	
1	Nhà cửa, chuồng trại	Đồng	2.225.550.000	
2	Máy móc thiết bị	Đồng	1.030.000.000	
3	Phương tiện vận tải	Đồng	100.000.000	
4	Thiết bị quản lý	Đồng	100.000.000	
5	Bổ sung đàn lợn giống cấp ông bà	Đồng	6.570.000.000	

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Ổn định tình hình lao động

- Quan tâm, chăm lo đời sống người lao động; Tuyên truyền, vận động người lao động đồng hành, chia sẻ, ổn định tư tưởng, tập trung SXKD;

- Công khai, minh bạch hoạt động SXKD, tạo sự đồng thuận, đồng lòng và đoàn kết từ Ban điều hành, đối ngũ cốt cán đến công nhân lao động;

- Quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật liên quan, như Luật Lao động, an toàn lao động, an toàn giao thông; nội quy lao động và hệ thống các quy định quản lý nội bộ;

- Xây dựng thang bảng lương theo NĐ 53/CP trả theo năng suất, khuyến khích lao động có năng suất cao.

- Tuyển dụng công nhân kỹ thuật, công nhân lao động trẻ có tay nghề đáp ứng yêu cầu và quy mô sản xuất.

2. Giải pháp kỹ thuật: Đây là giải pháp đặc biệt quan trọng đối với công ty.

* Rà soát, bổ sung Phương án và phương pháp phòng chống dịch tả lợn Châu Phi kết hợp phòng, chống LMLM, tai xanh, tiêu chảy cấp. Xác định công tác phòng chống dịch là nhiệm vụ sống còn của Công ty; việc làm thường xuyên, hàng ngày và lâu dài. Đầu tư xây dựng bổ sung hệ thống kho thức ăn và xây dựng thêm hệ thống nhà tắm khử trùng chuyên nghiệp ngoài cổng 2 trung tâm.

- Hội đồng kỹ thuật tiến hành lấy mẫu máu, bệnh phẩm để tầm soát, kháng sinh đồ để xây dựng lại quy trình chăm sóc, thuốc thú y phù hợp tình hình dịch tễ tại các đơn vị, các vùng đã thực hiện ngay từ ngày đầu năm.

- Ngày từ tháng đầu tiên năm 2019: HĐQT triển khai ngay chuyên đề kỹ thuật nâng cao chỉ tiêu kỹ thuật (vòng sinh sản của nái; số con cai sữa/nái; tỷ lệ chết, thải loại), tiết kiệm thức ăn gia súc, thuốc thú y và vật tư, yếu tố quyết định giá thành sản xuất, thực hiện KH 2019; đã giảm một số thuốc không cần thiết theo quy trình tại lợn nái mang thai qua kết quả phân tích kháng sinh đồ.

- Điều chỉnh, hoàn thiện quy trình sản xuất, chăm sóc đồng bộ tại các trung tâm, trại nái và tập huấn vận hành tại các đơn vị. Xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh tại các trại nái. Áp dụng tiêu chuẩn Vietgap vào quá trình sản xuất thực hành; đồng thời tổ chức sản xuất theo yêu cầu của khách hàng, nhà máy giết mổ quy mô lớn.

- Xây dựng lại quy định kiểm soát: kế hoạch, sử dụng, xuất, nhập và sử dụng thuốc, tiêm vaccin tại trung tâm và các trại nái vệ tinh theo hướng chặt chẽ, hiệu quả.

- Qua quá trình nghiên cứu, tìm kiếm để xây dựng kế hoạch cải thiện đàn nái, giống lợn ngoại sản lượng, chất lượng cao, đáp ứng thị hiếu khách hàng; bổ sung, cải thiện chất lượng đực giống đã hợp đồng, đưa về sản xuất khi điều kiện dịch bệnh cho phép.

- Tiếp tục mời các chuyên gia tập huấn chuyên gia kỹ thuật, nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ kỹ thuật trong thăm khám, chẩn đoán, xác định bệnh và công tác điều trị bệnh trên đàn lợn;

- Tập trung công tác xử môi trường sản xuất; đầu tư công nghệ xử môi trường, nước thải tại TT Kỳ Phong và Thạch Vĩnh. Đây là yêu cầu bắt buộc.

3. Giải pháp về vốn:

- Xây dựng phương án đề nghị HĐQT tăng vốn điều lệ từ 40 tỷ lên 55 tỷ;

- Đàm phán với ngân hàng giữ hạn mức vốn lưu động, đồng thời tìm kiếm tổ chức tín dụng khác để bổ sung vốn phục vụ sản xuất.

- Đàm phán với các nhà cung cấp tiếp tục tăng chiết khấu, giảm giá và gia hạn thời gian và mức trả nợ từng tháng để chiếm dụng vốn, chủ động nguồn vốn

lưu động và mời gọi các nhà cung cấp thức ăn chăn nuôi lớn, có uy tín, chất lượng vào vào để cạnh tranh, giảm giá thành.

- HDKT đánh giá khách quan việc thử nghiệm các dòng thuốc nội, có chất lượng, cùng thành phần để có giá thành cạnh tranh với thị trường trong 2019.

4. Giải pháp quản lý:

- Tiếp tục đổi mới công tác quản lý, quan tâm đến công tác quản trị kỹ thuật, quản trị giá thành và quản trị nhân lực theo phương pháp quản trị hệ thống và xây dựng lại hệ thống định mức kỹ thuật tiên tiến phù hợp với thực tiễn để giao khoán chỉ tiêu và mức khoán tiền lương trên đơn vị sản phẩm, chức danh công việc; từng bước đưa công nghệ thông tin vào quản lý tạo ra một hệ thống quản trị chung.

- Tiếp tục rà soát lại toàn bộ hệ thống quy định, quy chế quản lý để bổ sung, hoàn thiện theo hướng siết chặt quản lý, đặc biệt quản lý định mức, mua, bán hàng phù hợp quy định, yêu cầu của Công ty đại chúng.

- Đánh giá lại các vệ tinh thương phẩm hiệu quả chăn nuôi kém chấm dứt hợp đồng, Động viên, phân tích hiệu quả, khuyến khích các trại cải tạo chuồng trại chuyển từ nươc hở sang nuôi kín. Tìm kiếm mở rộng thêm chuồng chăn nuôi kín.

5. Giải pháp thị trường:

- Tiếp tục duy trì tốt thị trường truyền thống Nghệ An và khách hàng nội tỉnh, tìm kiếm mở rộng thị trường đối với lợn thương phẩm.

- Duy trì quan hệ tốt với các doanh nghiệp công ty chăn nuôi lớn để chủ động cung cấp lợn hậu bị cho năm 2019 và các năm tiếp theo.

- Linh hoạt nắm bắt, dự báo tình hình thị trường để kịp thời điều hành sản xuất, điều chỉnh cơ cấu sản phẩm và giá bán kịp thời, hiệu quả.

- Đàm phán với các đối tác, các nhà máy giết mổ quy mô lớn tại phía Bắc để tham gia, tổ chức sản xuất lợn an toàn theo chuỗi, chủ động trong tiêu thụ hàng hóa.

6. Các giải pháp khác

Tập trung phát huy vào các giải pháp bù vốn trong đó quan tâm nhất là giải pháp nâng cao các chỉ tiêu kỹ thuật và giảm giá thành sản xuất.

Tập trung rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn trong công tác quản lý và sản xuất, hoạt động có hiệu quả gắn với tinh giảm biên chế.

Tiếp tục hưởng ứng và phát động các phong trào thi đua ngắn hạn một cách có chiều sâu, chú trọng các chỉ tiêu trọng tâm, trọng điểm. Làm tốt công tác sơ kết, tổng kết, đúc rút kinh nghiệm, khen thưởng, kỷ luật kịp thời.

Phát động phong trào sáng kiến sáng tạo, chú trọng tập trung các đề tài cải tiến quy trình sản xuất, nâng cao chỉ tiêu kỹ thuật, tiết kiệm thức ăn gia súc, thuốc thú y và vật tư ...

Quan tâm đến các tổ chức quần chúng và người lao động: nhất là xây dựng lại đơn giá tiền lương trả theo năng suất lao động, các chính sách bảo hiểm, việc làm tăng thu nhập và nâng cao đời sống của CBCNV.

Đề cao, thường xuyên trong công tác giáo dục tuyên truyền pháp luật về lao động, ANTT, ATGT và tiếp tục thực hiện cam kết “3 không”.

Trên đây là báo cáo về việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018, kế hoạch, nhiệm vụ, giải pháp năm 2019 của Ban điều hành trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Đảng ủy; HĐQT;
- Quý CĐ;
- BDG; các đoàn thể;
- Lưu VT.

BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY